TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B - TP. H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2019/HS-ST

Ngày: 20/03/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa : Ông **Đặng Trung Thành**

Các Hội thẩm nhân dân :

- Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

- Ông **Lê Văn Hoan**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Phương**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B: Ông **Lê Văn Anh**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 03 năm 2019 tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 7 H, Tòa án nhân dân huyện B đã đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số: 10/2019/HSST ngày 25/02/2019 đối với bị cáo :

1. Nguyễn Hữu A, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Thôn Hạc Sơn, xã C, huyện B, thành phố H; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1964, Con bà Đinh Thị M, sinh năm: 1970. Vợ đã ly hôn. Con có 01 con sinh năm 2012, Tiền án: Không, Tiền sự: 03: Ngày 20/3/2018, Công an xã Vật Lại, huyện B xử phạt 3.000.000 đồng về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (tiền taxi) và trộm cắp tài sản. A chưa chấp hành tiền phạt.

Ngày 17/9/2018, Công an xã C, huyện B xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi "*Dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của người khác*" theo

điểm c, Khoản 1, Điều 15 Nghị định: 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013". A chưa chấp hành tiền phạt.

Ngày 18/10/2018, TAND huyện B ra Quyết định số 14 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 20 tháng.

Nhân thân: Ngày 20/9/2005 A bị đưa vào trường giáo dưỡng. Bị cáo hiện đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số 7 H ở xã X, thị xã S, thành phố H.

(Bị cáo A có mặt tại phiên tòa)

1. Bị hại: Anh Phùng Văn H, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Thôn Vân Hồng, thị trấn T, huyện B, thành phố H.

(Anh H có mặt tại phiên tòa)

2. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Cao Xuân T, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn Vân Hồng, thị trấn T, huyện B, thành phố H.

(Anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được thể hiện như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 15/9/2018, Phùng Văn H một mình điều khiển xe máy nhãn hiệu Angel, BKS: 88F9 - 4346 trên đường đê Đại Hà hướng S đi Trung Hà thuộc địa phận xã C, huyện B thì gặp Nguyễn Hữu A đang đi bộ một mình về xã C, huyện B. Thấy vậy, H cho A đi nhờ xe về cùng, qua trao đổi biết A là người nghiện ma túy nên H đưa cho A 300.000 đồng để nhờ A mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Do không mua được ma túy, A cầm luôn số tiền rồi rủ H đi uống rượu. Lúc này A, H đi chợ, A mua cá (A đã dùng số tiền mà H đưa để mua ma túy trả tiền mua cá) rồi vào nhà anh Hà Văn Y (là bạn của H) để nấu ăn và uống rượu. Do thấy H có nhiều sơ hở trong việc quản lý tài sản, A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của H. Thực hiện ý định, khoảng hơn 12 giờ cùng ngày, sau khi ăn uống xong, A rủ H, Yên đi hát để tìm cơ hội lấy xe. A điều xe máy chở H, Y đi nhờ xe anh Phùng Văn T (hàng xóm của Yên) đến quán Karaoke

"9 Plus" tại phố Nả, xã C, huyện B, tới nơi Tấn ra về, H, A, Y lên phòng 202, tầng 2 của quán để hát. Đến khoảng 14 giờ thì ra về, trên đường từ tầng 2 xuống chỗ để xe, A đi trước xuống lấy xe rồi quay lại nói với H đang đi xuống phía sau "*Em mượn xe ra ngoài tí*" đồng thời điều khiển xe ra ngoài hướng về xã P. Do đã gọi điện liên lạc trước với một người đàn ông không rõ tên tuổi để hỏi mua ma túy (trước đây A đã mua ma túy của người này 1 lần), A đến điếm đê Đại Hà, xã Phú Châu như đã hẹn thì gặp được người này, tại đây A đã cắm chiếc xe vừa lấy được của anh H cho người này để đổi lấy 01 gói ma túy trị giá 200.000 đồng. Số ma túy này A đã sử dụng hết cho bản thân.

CQĐT đã thu giữ được hình ảnh Camera từ quán Karaoke "9 Plus" thể hiện A là người lấy xe máy ra khỏi quán ngày 15/9/2018. Tại Bản Kết luận giám định số: 5537/C09-P6 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an ngày 19/10/2018 đối với 02 video thu giữ từ Camera tại quán Karaoke "9 Plus" ngày 16/9/2018 như sau: *Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong 02 tệp video gửi giám định; Tách được 2809 tệp ảnh các đối tượng từ 02 video gửi giám định và ghi vào đĩa DVD; Đã sao chép 02 tệp video gửi giám định lưu trữ trong USB sang đĩa DVD.*

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong TTHS huyện B số: 75 ngày 31/10/2018 cho kết quả: 01 xe máy nhãn hiệu Angel, BKS: 88F9-4346, màu xám ghi, số khung: 004892, số máy: 2004892, đã qua sử dụng trị giá: 3.100.000 đồng.

Tại CQĐT, Nguyễn Hữu A đã thành khẩn khai nhận hành vi vi phạm của bản thân ngày 15/9/2018. Đối với hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy ngày 15/9/2018. Ngoài lời khai của A thì không có chứng cứ nào khác, do vậy CQĐT không đủ căn cứ nên không đề cập xử lý về hành vi này.

Đối với người đàn ông đã nhận cắm chiếc xe BKS: 88F9 - 4346 và bán cho A 01 gói ma túy ngày 15/9/2018, do A không biết tên, tuổi, địa chỉ người này, xác minh theo số điện thoại đã gọi thì A không nhớ số thuê bao, chiếc điện thoại A dùng để liên lạc với người này đã bị rơi mất trong quá trình sử dụng. Do vậy CQĐT không xác minh được con người cụ thể nên không có căn cứ làm rõ.

Vật chứng của vụ án:

01 xe máy nhãn hiệu Angel, màu xám ghi, BKS: 88F9 - 4346, số khung: 004892, số máy: 2004892, CQĐT đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng chưa thu được.

01 chiếc USB chứa 02 đoạn video từ Camera số 06 của quán Karaoke "9 Plus" do anh Phùng Văn Q giao nộp ngày 16/9/2018.

Ngày 21/01/2019, CQĐT ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 02 đối với 01 USB chứa 02 video nói trên bằng hình thức trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Ngày 30/01/2019, anh Q đã nhận lại tài sản.

Về dân sự:

Đối với chiếc xe máy A đã chiếm đoạt, anh H yêu cầu A phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền 300.000 đồng còn lại H không có yêu cầu đề nghị gì.

Anh Cao Xuân T là chủ sở hữu của chiếc xe máy BKS: 88F9 - 4346, ngày 15/9/2018 anh T cho anh H mượn để đi lại. Anh T không có yêu cầu gì về mặt dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 09/2018/CT-VKS ngày 21 tháng 02 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện B để xét xử Nguyễn Hữu A về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo Nguyễn Hữu A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên toà ngày hôm nay: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hữu A. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu A phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, Điều 174; điểm s, Khoản 1, Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt Nguyễn Hữu A từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Đề nghị xử lý tang vật vụ án theo quy định của pháp luật.

Buộc bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe máy cho anh Phùng Văn H số tiền: 3.100.000đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Cao Xuân T vắng mặt tại phiên tòa và không có yêu cầu gì về dân sự nên không giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay cũng phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có thu thập được đã trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Ngày 15/9/2018, Nguyễn Hữu A có hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản của Phùng Văn H là 01 xe máy nhãn hiệu Angel, BKS: 88F9 - 4346, màu xám ghi, số khung: 004892, số máy: 2004892, trị giá: 3.100.000 đồng (*Ba triệu một trăm nghìn đồng*).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu A đã phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, gây mất trật tự trị an tại địa p hương, do vậy cần có mức án nghiêm

khắc tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bản thân Nguyễn Hữu A có 3 tiền sự: Ngày 20/03/2018, Công an xã Vật Lại, huyện B xử phạt: 3.000.000đ về hành vi Lừa đảo chiến đoạt tài sản và trộm cắp tài sản. A chưa chấp hành tiền phạt. Ngày 17/9/2018, Công an xã C, huyện B xử phạt: 1.000.000 đồng về hành vi "*Dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản của người khác*" theo điểm c, Khoản 1, Điều 15 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013". A chưa chấp hành tiền phạt. Ngày 18/10.2018, TAND huyện B ra Quyết định số: 14 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 20 tháng.

Về nhân thân:

Ngày 20/9/2005 A bị đưa vào trường giáo dưỡng. Bị cáo A hiện đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số 7 H ở xã X, Thị xã S, thành phố H.

[6] Về mức án mà Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp, có cơ sở để chấp nhận. Cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe máy A đã chiếm đoạt, hiện nay chưa tìm thấy, anh H yêu cầu A phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền 300.000 đồng còn lại H không có yêu cầu đề nghị gì.Vì vậy buộc Nguyễn Hữu A phải bồi thường giá trị của chiếc xe Angel BKS: 88F9 - 4346 số tiền là 3.100.000đ (*Ba triệu một trăm nghìn đồng chẵn*). Đối với số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), anh H không yêu cầu A phải thanh toán. Nên Toà án không xem xét giải quyết.

Anh Cao Xuân T là chủ sở hữu của chiếc xe máy Angel, BKS: 88F9 - 4346, ngày 15/9/2018 anh T cho anh H mượn để đi lại. Anh T không có yêu cầu gì về mặt dân sự. Nên Toà án không xem xét giải quyết.

[8] Về tang vật của vụ án: 01 xe máy nhãn hiệu Angel, BKS: 88F9 - 4346, màu xám ghi, số khung: 004892, số máy: 2004892, CQĐT đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng chưa thu được. Khi nào tìm kiếm được sẽ giải quyết sau.

01 chiếc USB chứa 02 đoạn video từ Camera số 06 của quán Karaoke "9Plus" do anh Phùng Văn Q giao nộp ngày 16/9/2018.

Ngày 21/01/2019, CQĐT ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 02 đối với 01 USB chứa 02 video nói trên bằng hình thức trả lại tài sản cho chủ sở hữu. Ngày 30/01/2019, anh Quyết đã nhận lại tài sản. Toà án không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Hữu A, Anh Phùng Văn H, anh Cao Xuân T được quyền kháng cáo Bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Xử: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hữu A** phạm tội **" *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".**

2/ Áp dụng: Khoản 1, Điều 174; Điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015.

3/ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu A: **20 tháng tù** *(Hai mươi tháng).* Thời hạn tù kể từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu A phải bồi thường trị giá chiếc xe máy cho anh Phùng Văn H số tiền: 3.100.000đ (*Ba triệu một trăm nghìn đồng*). Khi án có hiệu lực pháp luật, anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Hữu A chưa thi hành án khoản tiền bồi thường thiệt hại thì hàng tháng bị cáo phải chịu thêm khoản tiền lãi quy định tại Điều 357; khoản 2, Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành

án.Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: 01 xe máy nhãn hiệu Angel, màu xám ghi, BKS: 88F9-4346, số khung 004892, số máy 2004892: CQĐT đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng chưa thu được. Khi nào tìm thấy sẽ giải quyết sau theo quy định của pháp luật.

5/ Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hữu A phải nộp: 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 BLTTHS năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Hữu A, Anh Phùng Văn H có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Cao Xuân T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ Bản án.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:

- TAND Tp. H;
- VKSND B;
- Công an huyện B;
- T.H.A B;
- Bị cáo
-Những người tham gia tố tụng;

Đặng Trung Thành

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên Toà

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hà Nội
- VKSND Ba vì
- Công an Ba vì.
- T.H.A Ba vì.
-Những ng- ời tham gia tố tụng.

Nguyễn Đức Thưởng